TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST. Ngày 06-3-2024. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Văn Tân.

- Bà Lâm Thị Loan Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-NHGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nguyễn N, sinh ngày 01/01/1997. (có mặt)

ĐKTT: Tổ 03, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: C3/25 Khu phố C, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Thạch Minh H, sinh ngày 02/8/1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/07/2023 nguyên đơn chị Lê Thị Nguyễn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Nguyễn N và anh Thạch Minh H cưới nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì

cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, lý do mâu thuẫn tính tình không hợp, thường xuyên cải vã, từ tháng 4/2023 không còn sống chung với nhau, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Thạch Lê Hoài B, sinh ngày 27/02/2020, sau khi vợ chồng không sống chung thì con sống với chị N cho đến nay, theo đơn khởi kiện thì chị N có yêu cầu cấp dưỡng nhưng nay chị N thay đổi ý kiến, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Minh H không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, về con chung đề nghị giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai đối với bị đơn anh Thạch Minh H nhưng ông H đều vắng mặt, căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Nguyễn N và anh Thạch Minh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn, qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống chị N và anh H thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau, tại phiên toà chị N vẫn yêu cầu được ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, nếu tiếp tục kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị N được ly hôn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Lê Thị Nguyễn N và anh Thạch Minh H có một người con, tên Thạch Lê Hoài B, sinh ngày 27/02/2020, hiện cháu B đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được quyền nuôi con. Hội đồng xét

xử xét thấy cháu B còn nhỏ, đã sống ổn định với chị N nên giao cháu B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở anh H thực hiện quyền của mình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Nguyễn N là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, theo quy định tại Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Nguyễn N được ly hôn với anh Thạch Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Lê Hoài B, sinh ngày 27/02/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền của mình.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Nguyễn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000401 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản

án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Bích Phượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;